

CÁC VÙNG KHÍ HẬU TỈNH NINH THUẬN

TS. Bùi Đức Tuấn

Phân viện Khí tượng Thủy văn và Môi trường phía Nam

Tỉnh Ninh Thuận nằm ở vị trí địa lý từ $11^{\circ} 18' 14''$ đến $12^{\circ} 09' 15''$ vĩ độ bắc và từ $108^{\circ} 09' 08''$ đến $109^{\circ} 14' 25''$ kinh độ đông, thuộc ven biển Nam Trung Bộ, là nơi có điều kiện khí hậu biến đổi rất mạnh mẽ, ảnh hưởng lớn đến dân sinh kinh tế.

Vì vậy, nghiên cứu phân vùng khí hậu nhằm góp phần tìm giải pháp sử dụng tối ưu tài nguyên khí hậu phục vụ cho sản xuất và đời sống ở khu vực này là rất cần thiết và cấp bách. Trong bài báo này, tác giả đã bước đầu khái quát phân vùng khí hậu của tỉnh Ninh Thuận.

Tỉnh Ninh Thuận nằm ở sườn Đông của dãy Trường Sơn, 2/3 diện tích của tỉnh là vùng núi với nhiều núi cao, trong đó các núi Chúa, E'Lâm Hạ, E'Lâm Thượng (ở vùng giáp với tỉnh Khánh Hòa) cao tới 1.000 - 1.700m, các dãy Cà Ná, Mũi Dinh (ở phía Nam tỉnh) cao tới 800 - 1.500m.

Vùng đồng bằng là những khu đất nhỏ hẹp ven biển (lớn nhất là khu đất Phan Rang) được các cung núi từ dãy Trường Sơn đâm ngang ra biển tạo thành.

Vùng biển gồm 13 xã ven biển cùng với vùng lãnh hải rộng đến 18.000km².

1. Các vùng khí hậu của tỉnh Ninh Thuận

Tỉnh Ninh Thuận nằm trên nền địa hình, địa mạo khác biệt đã tạo nên các vùng khí hậu thủy văn riêng biệt, có thể phân thành 3 vùng như sau:

- Vùng I: vùng núi địa chất đá Granit trẻ.

Địa hình: cao 150 - 1500m, rất dốc.

Địa mạo: bị gấp nếp mạnh mẽ.

Về nhiệt độ: biến trình nhiệt độ dạng nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của gió mùa với thời kỳ nóng kéo dài trên 8 tháng và mùa lạnh kéo dài từ 3 tháng đến trên 4 tháng. Những giá trị nhiệt độ thấp nhất thường khoảng 15 - 16⁰C ở vùng thấp, dưới 10⁰C ở vùng cao. Ở đây, sự hạ thấp nhiệt độ chỉ đơn thuần theo quy luật độ cao, hầu như không còn ảnh hưởng của gió mùa cực đới.

Về mưa: trong nhiều trường hợp, mùa mưa bắt đầu khi gió mùa mùa hạ bắt đầu, liên quan tới sự xuất hiện của luồng gió tây (gió mùa sớm) và đường hội tụ kinh hướng; lượng mưa thay đổi hoặc do độ cao hay do tác dụng cản đối với các luồng không khí, hoặc do tác dụng chắn của núi và độ trũng của địa hình. Hòn Bà, được xem như là tâm mưa với 100% lượng mưa năm vượt quá 2.000mm. Mùa mưa kéo dài hơn các nơi khác dài khoảng 6 - 7 tháng, có thể đến 8 - 9 tháng.

Lượng mưa tháng lớn nhất thường là 600 - 700mm. Hướng gió phụ thuộc vào vị trí và hướng các dãy và khe núi.

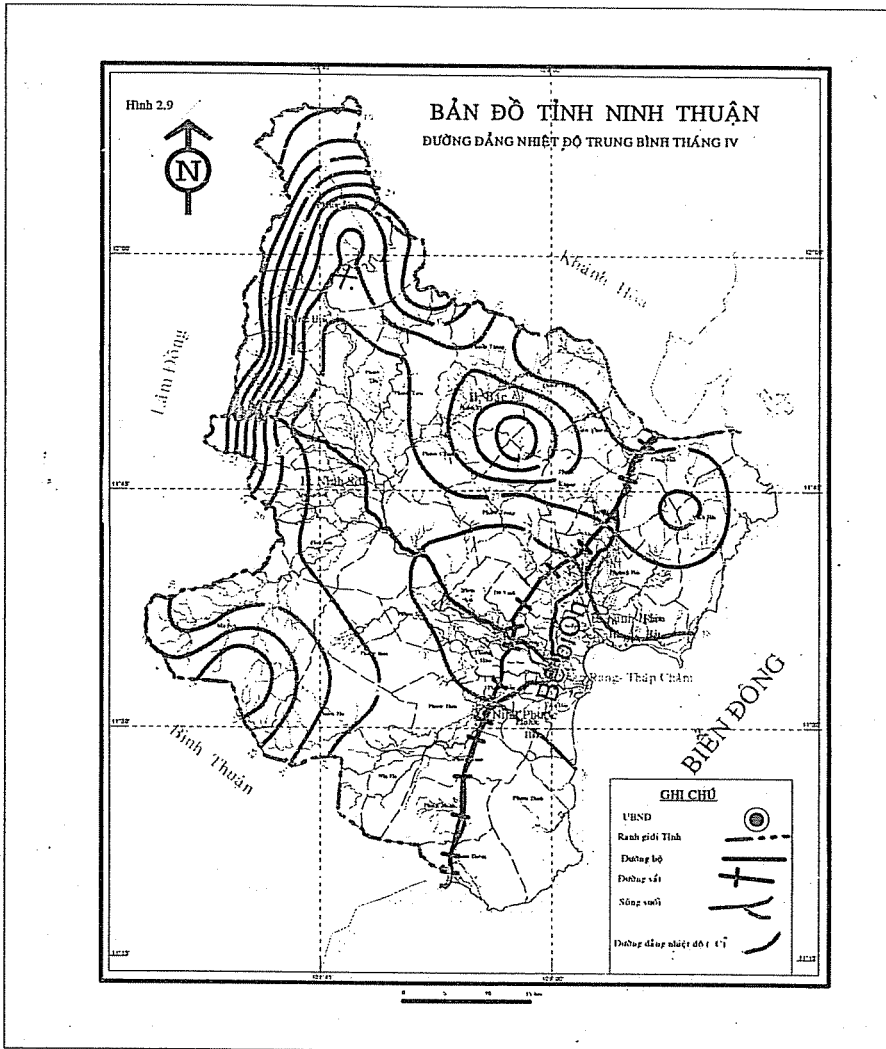
Ở vùng này, sông suối có độ dốc lớn, kết hợp với mưa lớn, dễ sinh lũ quét. Hệ số dòng chảy khoảng 65 - 75%.

- Vùng II: vùng núi thấp, trung du.

Địa chất: phún trào a xít.

Địa hình: độ cao khoảng 40 - 150m.

Địa mạo: tương đối bằng phẳng, bị gián đoạn bởi những gò và núi thấp.



Hình 1. Đường đẳng nhiệt trung bình tháng IV

Về nhiệt độ không khí: biến trình nhiệt độ dạng nhiệt đới, chịu ảnh hưởng của gió mùa với mùa nóng kéo dài khoảng 10 - 11 tháng, từ thượng tuần tháng I đến thượng tuần tháng XII, còn lại là mùa mát khoảng 1 tháng, không

có mùa lạnh. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 26 – 27⁰C, cao nhất trung bình khoảng 33 - 34⁰C, cao nhất tuyệt đối khoảng 40 - 41⁰C, thấp nhất trung bình khoảng 20 - 22⁰C, thấp nhất tuyệt đối khoảng 13 - 14⁰C. Hằng năm có khoảng 30 - 40 ngày bị ảnh hưởng gió tây khô nóng.

Về mưa: mùa mưa bắt đầu và kéo dài từ tháng IX – XII. Lượng mưa năm vào khoảng 1.100mm. Lượng mưa tháng các tháng mùa mưa khoảng 150 - 200mm. Lượng mưa tháng lớn nhất có thể đạt 400mm, lượng mưa ngày lớn nhất có thể đạt 300mm.

Hướng gió bị chi phối bởi địa hình. Tại Nha Hồ, gió có hướng thịnh hành là tây bắc trong suốt năm, do ảnh hưởng của các dãy núi.

Ở vùng này, sông suối tương đối khô cạn. Hệ số dòng chảy khoảng 25 - 35%.

- Vùng III: vùng ven biển.

Địa chất, thổ nhưỡng là đất pha cát.

Địa hình: độ cao trung bình khoảng 2 - 10m.

Địa mạo: bằng phẳng.

Thảm thực vật: ruộng lúa.

Về nhiệt độ không khí: mùa nóng chiếm hầu hết thời gian trong năm, từ thượng tuần tháng I đến trung tuần tháng XII, mùa mát thời gian rất ngắn, còn lại không có mùa lạnh. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 27 - 28⁰C, nhiệt độ cao nhất trung bình khoảng 32 - 33⁰C, cao nhất tuyệt đối khoảng 39 - 40⁰C, thấp nhất trung bình khoảng 23 - 24⁰C, thấp nhất tuyệt đối khoảng 15 - 16⁰C. Hằng năm có khoảng 20 - 30 ngày chịu ảnh hưởng gió tây khô nóng. Trong ngày có gió đất, gió biển.

Về mưa: mùa mưa bắt đầu từ trung tuần tháng IX đến tháng XI. Lượng mưa năm trên dưới 750mm, biến động dưới 700mm ở Ninh Chữ, cao hơn 800mm ở Ba Tháp. Lượng mưa tháng, trong các tháng mùa mưa khoảng 100 - 150mm. Lượng mưa tháng lớn nhất có thể đạt 400mm. Lượng mưa ngày lớn nhất có thể đạt 300mm.

Gió thịnh hành có hướng đông bắc trong mùa đông; gió đông nam và tây nam trong mùa hè và là nơi chịu ảnh hưởng gió bão và áp thấp nhiệt đới lớn nhất.

Với chỉ số khô hạn Gaussen đạt 250, đây là vị trí khô hạn cao nhất, sông suối khô cạn. Hệ số dòng chảy vào khoảng 0,5 - 15,0 % và có nguy cơ bị hoang mạc hóa.

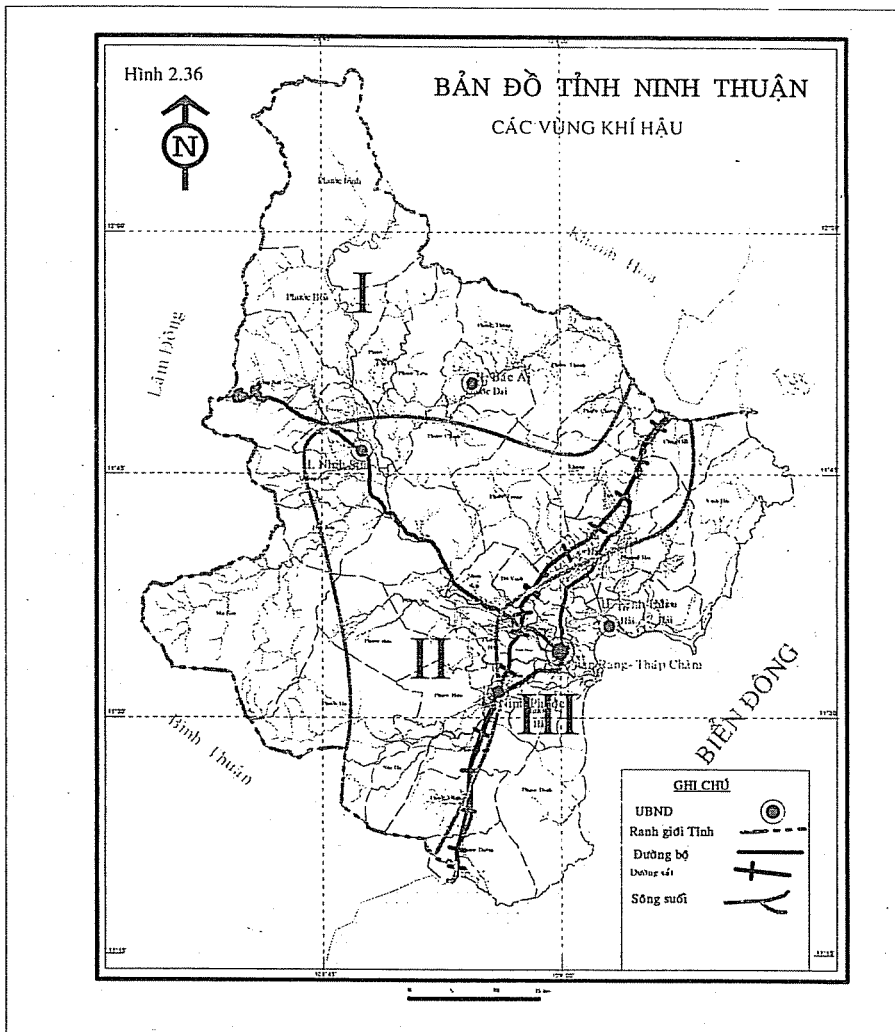
2. Kết luận

1) Các yếu tố khí hậu của tỉnh Ninh Thuận phụ thuộc rất lớn vào điều kiện địa hình của khu vực. Vùng ven biển có lượng mưa dưới 700mm, số ngày mưa trong năm khoảng 40 - 90 ngày, nhiệt độ trung bình năm 28⁰C, trong khi đó lượng mưa ở vùng núi cao của tỉnh Ninh Thuận là 2.600mm, thời gian có mưa kéo dài 120 - 160 ngày và nhiệt độ là 19⁰C.

2) Trên một địa bàn nhỏ, hẹp khoảng 3000 km² của tỉnh Ninh Thuận đã có tới 3 vùng khí hậu với các đặc trưng rất khác nhau về các yếu tố khí hậu, thủy văn.

3) Dựa vào sự phân bố các đặc trưng khí hậu, thủy văn theo thời gian và không gian, nên cần bố trí thời vụ thích hợp, đảm bảo sử dụng nước mưa, cũng như để tránh lũ chính vụ. Tốt nhất nên bố trí 3 vụ lúa: vụ đông xuân từ tháng XII năm trước đến cuối tháng III năm sau, tiếp đến là vụ hè thu để thu hoạch vào tháng VII, và cuối cùng là vụ lúa mùa từ tháng VIII đến tháng XI. Ở những nơi nguồn nước ít hoặc khó bố trí công trình, nên canh tác 2 vụ (1 lúa, 1 màu) trong đó, vụ lúa bố trí trong mùa mưa để tận dụng nước mưa.

4) Ở vùng đất rừng: cần bảo vệ rừng, ngăn chặn nạn phá rừng, phòng chống cháy rừng, khôi phục và phát triển rừng.



Hình 3. Các vùng khí hậu của tỉnh Ninh Thuận

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Trọng Hiệu. *Tài nguyên khí hậu Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1995.
2. Phạm Ngọc Toàn, Phan Tất Đắc. *Khí hậu Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1993.
3. Phạm Quang Hạnh, Đỗ Đình Khôi, Nguyễn Viết Phổ, Hoàng Niêm.. *Dòng chảy sông ngòi Việt Nam*. NXB Khoa học và Kỹ thuật. Hà Nội, 1984.
4. Đỗ Đình Khôi, Hoàng Niêm.. *Dòng chảy lũ sông ngòi Việt Nam*. Viện Khí tượng Thủy văn, 1991.
5. Nguyễn Trọng Sinh. Nghiên cứu cân bằng nước phục vụ phát triển dân sinh kinh tế vùng ven biển miền Trung. Đề tài KC-07. Bộ Thủy lợi, Hà Nội, 1994.
6. Viện Khí tượng Thủy văn. *Đặc trưng hình thái lưu vực sông Việt Nam*. Tổng cục Khí tượng Thủy văn, Hà Nội, 1985.
7. Bùi Đức Tuấn, Phùng Chí Sỹ, Trương Văn Hiếu, Nguyễn Văn Trọng. *Đặc điểm khí hậu và thủy văn tỉnh Tây Ninh. Đề tài nghiên cứu khoa học. Trung tâm KTTV phía Nam, 2000.*
8. Bùi Đức Tuấn. Một số ý kiến về bảo vệ và khai thác nguồn nước tỉnh Ninh Thuận. Thông tin Khoa học Công nghệ và Môi trường Ninh Thuận số 4-2000.
9. Bùi Đức Tuấn. Điều kiện nước mặt tỉnh Ninh Thuận. Tuyển tập báo cáo. Hội thảo khoa học thường niên năm 2002. Trung tâm Khí tượng Thủy văn phía Nam, Tp. HCM, 11-2002.
10. Bùi Đức Tuấn. Cân bằng nước tỉnh Ninh Thuận. Báo cáo khoa học. Hội thảo khoa học thường niên năm 2003. Phân viện Khí tượng Thủy văn phía Nam, Tp. HCM, 2003.